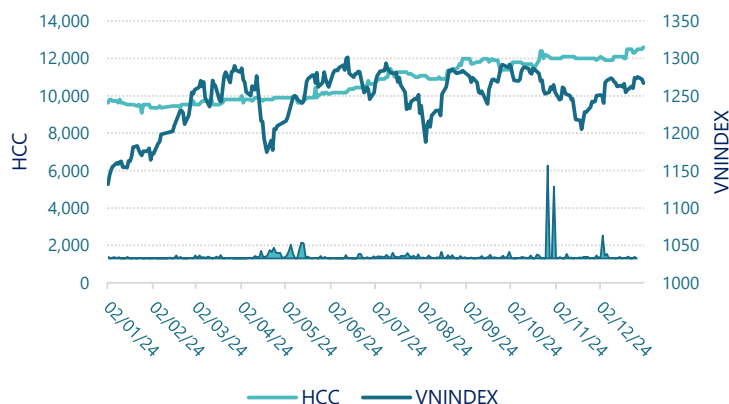


CTCP Bê tông Hòa Cầm - INTIMEX (HNX: HCC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	12,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,084
SL cổ phiếu LH	6,518,547
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,415
% sở hữu nước ngoài	13.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	82
P/E	6.5
EPS	1,926

DT thuần

Q4/24

81.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.40 | -10.3%

YoY: ▲21.4 | 35.9%

LN sau thuế

Q4/24

2.58

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.31 | -47.2%

YoY: ▲1.90 | 280%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.5%

DT thuần

2024

300

tỷ VNĐ

YoY: ▲66.0 | 28.5%

LN sau thuế

2024

12.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲3.47 | 37.5%

ROE

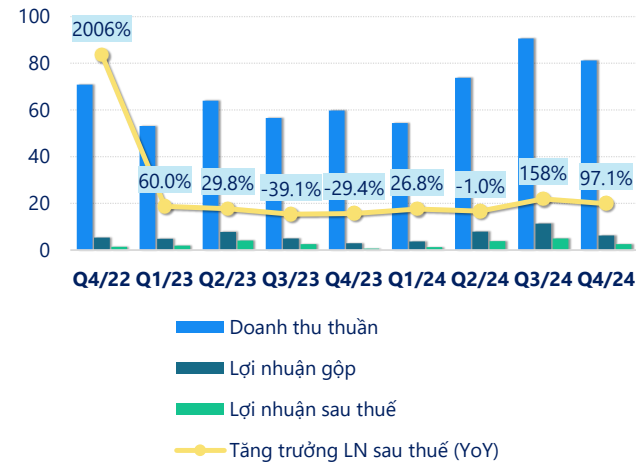
2024

15.1%

+/- YoY: ▲3.9%

tỷ VNĐ

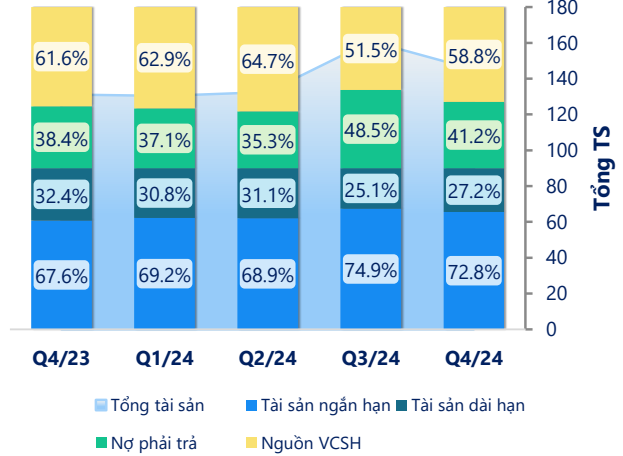
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

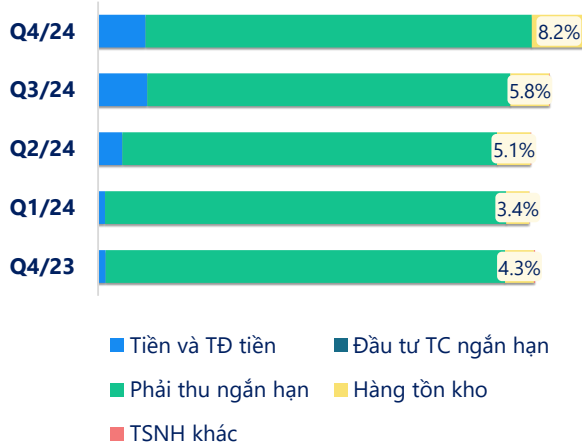
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



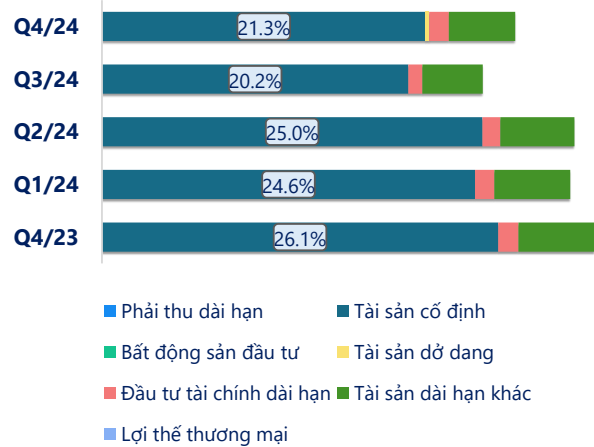
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

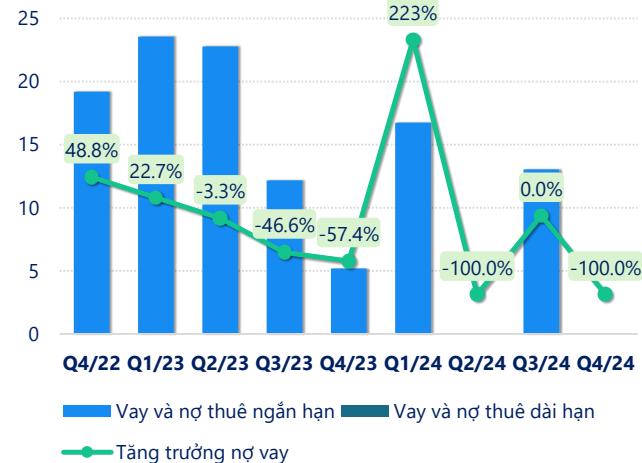
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

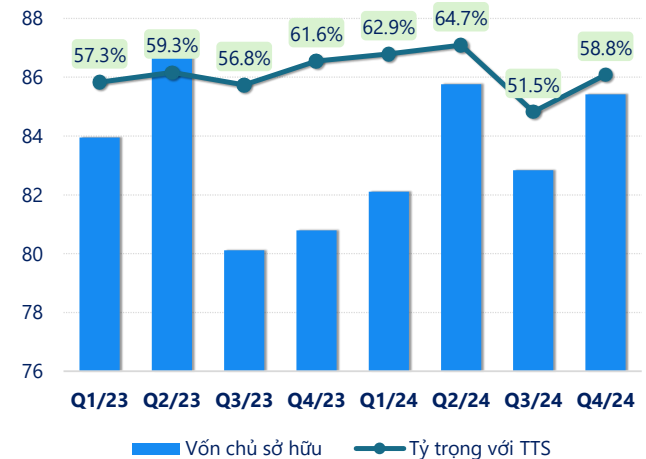
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

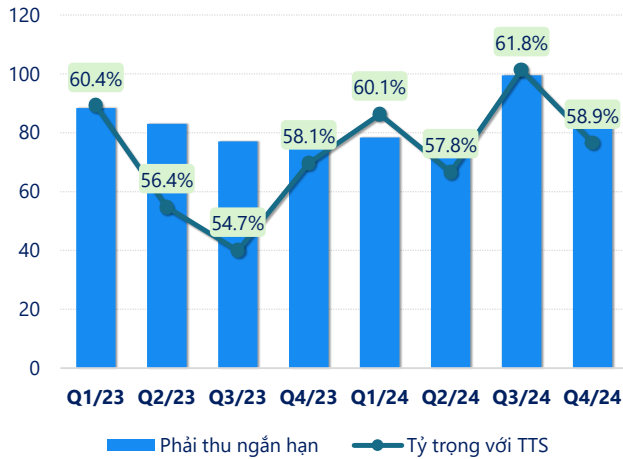
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



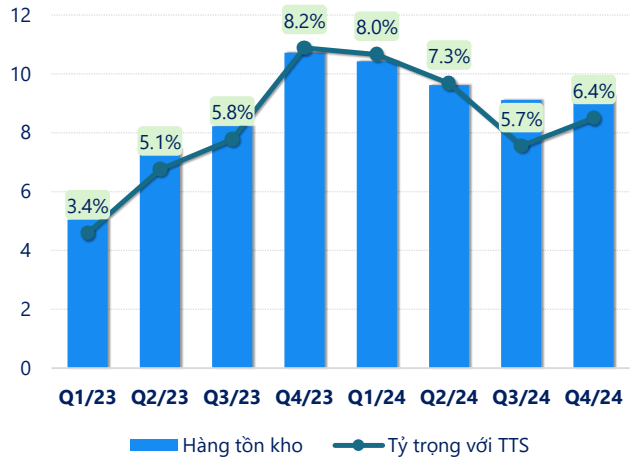
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


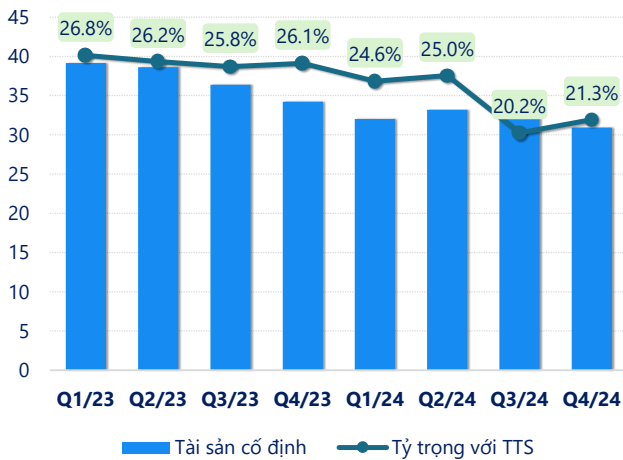
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


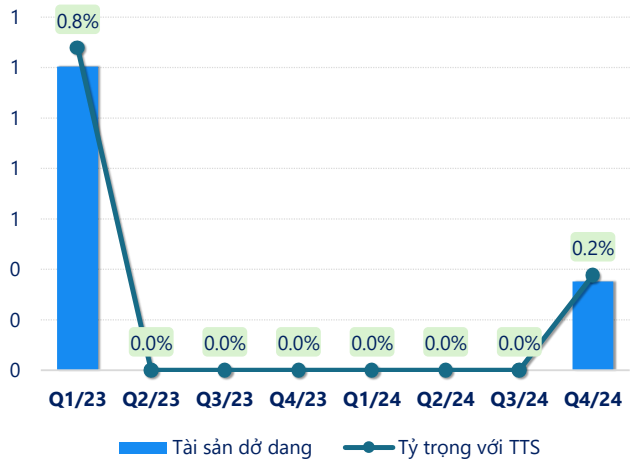
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

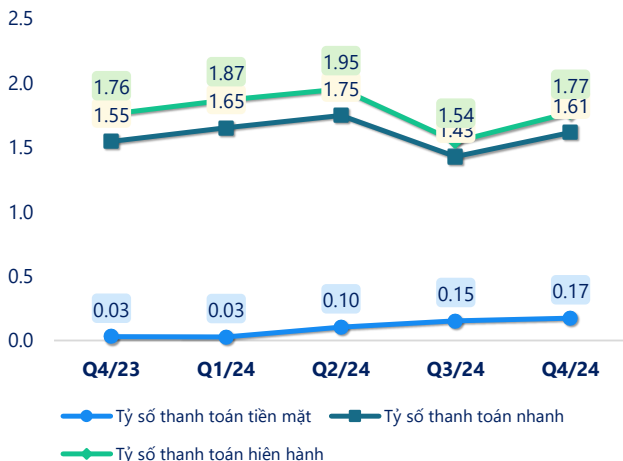
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

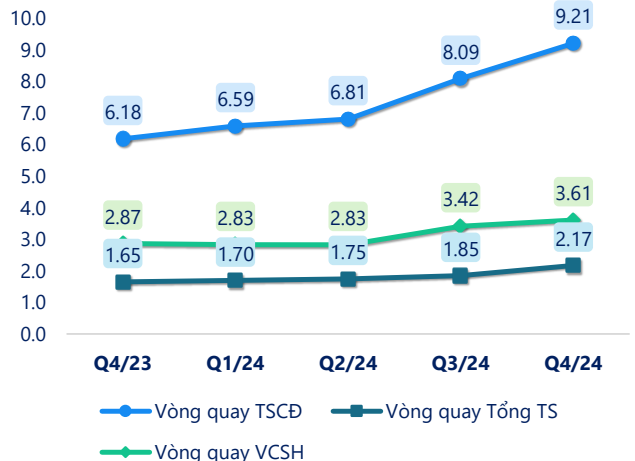
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	131	130	133	161	145
Tài sản ngắn hạn	88.7	90.2	91.3	121	106
Tiền và tương đương tiền	1.52	1.34	4.83	11.9	10.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	76.3	78.4	76.6	99.5	85.6
Hàng tồn kho	10.7	10.4	9.62	9.11	9.26
Tài sản ngắn hạn khác	0.17	0.13	0.31	0.09	0.50
Tài sản dài hạn	42.6	40.2	41.2	40.3	39.5
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	34.2	32.0	33.2	32.5	30.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0.35
Đầu tư tài chính dài hạn	1.76	1.66	1.57	1.49	1.89
Tài sản dài hạn khác	6.57	6.51	6.45	6.39	6.33
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	50.5	48.4	46.8	78.1	59.8
Nợ ngắn hạn	50.5	48.4	46.8	78.1	59.8
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.18	16.7	0	13.1	0
Phải trả người bán ngắn hạn	38.2	27.4	40.6	47.4	51.8
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	80.8	82.1	85.8	82.8	85.4
Vốn chủ sở hữu	80.8	82.1	85.8	82.8	85.4
Vốn điều lệ	65.2	65.2	65.2	65.2	65.2
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)